CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 226 /2021/CBTT	*Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2021*
V/v: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI**
2. Mã chứng khoán: TVH
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, Phương Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
4. Điện thoại: 024.37545293 Fax: 024. 37566892
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trung Kiên
6. Chức vụ: Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
7. Điện thoại cơ quan: 024. 32191098
8. Loại thông tin công bố: ☑ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ
9. Nội dung thông tin công bố:

- Công bố thông tin về thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải năm 2021.

10. Địa chỉ website đăng tải nội dung: http://cmbvn.com.vn/cong-bo-thong-tin

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: - Như trên - Lưu: TCHC,TCKT	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** **Tổng giám đốc** CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI **Phạm Trung Kiên**
Tài liệu đính kèm: - Thông báo mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	

CMB
SINCE 1966

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Địa chỉ: Tầng 12 Tháp Tây Hancorp Plaza - 72 Trần Đăng Ninh - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại: 043 7545293 - 043 7566891 - Fax: 043 7566892 - Website:www.cmbvn.com.vn

Số: 225 /TB-HĐQT *Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021*

THÔNG BÁO

(Về việc: Mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn XDCT Hàng hải

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

1. Thời gian: 1/2 ngày, từ 07 giờ 30 phút, ngày 21/6/2021.

2. Địa điểm: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

3. Thành phần tham dự: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải theo Danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 14/5/2021; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành.

4. Nội dung đại hội: Các tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: www.cmbvn.com.vn từ ngày 20/5/2021.

5. Đăng kí và tham dự đại hội:

- Để công tác tổ chức đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông tham dự đại hội vui lòng gửi "Giấy đăng ký/ ủy quyền dự họp" theo mẫu đính kèm Thông báo này về trụ sở Công ty bằng cách gửi trực tiếp, qua đường bưu điện, email hoặc fax trước ngày 18/6/2021 theo địa chỉ:

+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải.

+ Địa chỉ: Tầng 12 tháp Tây Hancorp Plaza, 72 đường Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

+ Điện thoại: 024.37912007 ; Fax: 024.37566892; Email: tckt.cmbhn@gmail.com

- Khi đến tham dự đại hội, Quý cổ đông mang theo các hồ sơ sau để đăng ký tư cách cổ đông tham dự họp:

+ CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu (bản chính);

+ Giấy đăng ký/ ủy quyền dự họp (bản chính) (nếu Quý cổ đông chưa gửi bản chính cho Công ty).

Lưu ý: *+ Chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác liên quan của cổ đông để tham dự cuộc họp Đại hội sẽ do cổ đông tự chi trả.*

+ Đề nghị quý cổ đông thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Công ty rất mong nhận được sự quan tâm, tham dự của các Quý cổ đông và các đại biểu khách mời.

Trân trọng kính mời ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Hoàng Tiến Linh

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBCKNN; Sở GDCKHN (b/c);
- Website Công ty;
- Lưu TCHC, HĐQT.

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải

STT	Nội dung	Thời gian
I	**THỦ TỤC**	
1	Đón khách	7.30 – 8.15
2	Chào cờ	
3	Thông qua tư cách đại biểu tham dự	
4	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	
5	Thông qua chủ tọa và thư ký đại hội	
6	Thông qua ban kiểm phiếu	
7	Thông qua chương trình đại hội, Quy chế làm việc của đại hội	
II	**NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI**	
1	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	8.15 – 10.00
2	Báo cáo hoạt động của ban kiểm soát	
3	Báo cáo điều lệ sửa đổi	
4	Báo cáo quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi	
5	Báo cáo quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi	
6	Báo cáo quy chế hoạt động của BKS sửa đổi	
7	Miễn nhiệm thành viên HĐQT	10.00-10.30
8	Bầu bổ sung thành viên HĐQT	
9	Thảo luận	10.30-11.00
10	Giải đáp ý kiến của các đại biểu	11.00-11.20
11	Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội	11.20-11.50
12	Thông qua Biên bản, Nghị quyết đại hội	11.50-12.00

Lưu ý: *Việc thảo luận, giải lao sẽ do Chủ tọa xem xét bố trí phù hợp với diễn biến của Đại hội.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải;

Để đảm bảo công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đạt kết quả tốt, Hội đồng quản trị dự thảo Quy chế làm việc trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải (sau đây gọi tắt là Đại hội).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Thành phần tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải theo quy định của pháp luật đều được quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội (kể cả những người được ủy quyền tham dự hợp lệ); Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty.

Điều 5. Điều kiện tiến hành Đại hội Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20

ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội

1. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và tài liệu Đại hội do Ban tổ chức cấp (nếu có);

2. Các cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ quy định tại Quy chế này và thực hiện theo sự điều hành của Chủ tọa để tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra thuận lợi;

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Người được ủy quyền của cổ đông là cá nhân tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tọa Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 do Chủ tịch Hội Đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa;

2. Nhiệm vụ của Chủ tọa Đại hội:

- Điều hành Đại hội theo đúng nội dung chương trình, quy chế đã được thông qua;

- Hướng dẫn các cổ đông phát biểu thảo luận;

- Thông qua các báo cáo, kết luận từng nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết thông qua;

- Trả lời, phúc đáp các câu hỏi của cổ đông (nếu có);

3. Quyền hạn của Chủ tọa Đại hội:

- Yêu cầu tất cả mọi người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp bảo đảm an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Tạm hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nếu có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

- Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

Điều 8. Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

2. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;

3. Lập Biên bản họp và soạn thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

4. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

5. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

Điều 9. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định thành lập;

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ của cổ đông, đại diện theo ủy quyền dự họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định;

3. Phát tài liệu Đại hội cho cổ đông, đại diện cổ đông đủ điều kiện dự họp;

4. Báo cáo với Đại hội về tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 10. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

1. Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết

2. Kiểm tra giám sát việc biểu quyết của cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội;

3. Phát Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội;

4. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông quyết định những trường hợp vi phạm Thể lệ biểu quyết;

5. Giao lại Biên bản kiểm phiếu cho Thư ký đại hội.

Điều 11. Thể lệ biểu quyết

1. Nguyên tắc biểu quyết:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng Thẻ Biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện;

Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông, đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải.

2. Cách thức biểu quyết:

- Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết: Đối với những vấn đề mang tính chất thủ tục như: Thông qua chương trình đại hội, Thông qua quy chế làm việc của Đại hội, Thông qua nhân sự Đoàn chủ tich, Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản cuộc họp, các cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: "Đồng ý" hay "Không đồng ý" hay "Ý kiến khác").

- Biểu quyết bằng cách ghi Phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

+ Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc không có ý kiến một vấn đề bằng cách cổ đông đánh dấu "X" vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: "Đồng ý", "Không đồng ý" và "Ý kiến khác". Sau khi biểu quyết hết các nội dung, cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của cổ đông để thống kê kết quả.

+ Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

+ Phiếu biểu quyết không do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải phát hành và không có dấu treo của Công ty;

+ Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến.

+ Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

+ Phiếu không có chữ ký của Cổ đông.

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

1. Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi thành biên bản. Dự thảo Nghị quyết của Đại hội được Thư ký ghi chép bổ sung đầy đủ và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

2. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua căn cứ theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty;

3. Biên bản và Nghị quyết Đại hội phải được lưu giữ tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải.

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Hoàng Tiến Linh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng..... năm 2021

GIẤY ĐĂNG KÝ/ ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải

Tên cổ đông: .....
CMND/CCCD/GPĐKKD số:.....Điện thoại: .....
Địa chỉ: .....
Số cổ phần hiện có: .....
Xác nhận việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải như sau:

1. Cổ đông trực tiếp tham dự Cuộc họp ☐

2. Cổ đông ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây tham dự cuộc họp:

a. Ông/Bà: .....
CMND/CCCD/ Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Điện thoại: ....
Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần (*Nếu không ghi sẽ được hiểu là ủy quyền toàn bộ số cổ phần sở hữu*).

Hoặc:

b) Ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị Công ty

1. Ông Hoàng Tiến Linh	- Chủ tịch	- Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần
2. Ông Lê Hữu Quảng	- Phó Chủ tịch	- Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần
3. Ông Phạm Trung Kiên	- Thành viên	- Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần
4. Ông Nguyễn Hữu Hòa	- Thành viên	- Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần
5. Ông Trần Hải Thanh	- Thành viên	- Số cổ phần ủy quyền: ..... cổ phần

Nội dung ủy quyền:
Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải tổ chức ngày 21/06/2021 và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại cuộc họp Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Cam kết:
Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực kể từ ngày công việc ủy quyền được hoàn tất.

Bên nhận ủy quyền	**Cổ đông/Bên ủy quyền**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: *Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

S.Đ.K.K.D: 0200119411-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 5/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 224 /BC-HĐQT	*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải được bổ sung, sửa đổi tháng 4/2016;

- Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-HĐQT ngày 15/7/2016, số 107/QĐ-HĐQT ngày 01/11/2016 và Biên bản họp số 223/CMB-HĐQT ngày 24/4/2018 của Hội đồng quản trị về việc thực hiện quy chế hoạt động của hội đồng quản trị nhiệm kì 2018 ÷ 2023

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải (HĐQT) trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 các nội dung chính như sau:

A. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2020; BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020; PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2021

I. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN (ĐẠI HỘI) NĂM 2020

Theo nghị quyết Đại hội năm 2020 (số 02/2020/NQ-CMB ngày 19/6/2020) các nội dung cơ bản được thông qua như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020

- Tổng doanh thu 119 tỉ đồng trở lên; Lợi nhuận kế toán trước thuế 26 tỉ đồng trở lên; Chi trả cổ tức 25% vốn điều lệ trở lên;

- Kế hoạch đầu tư: 670.000.000 đồng

2. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc năm 2020: Bằng mức thực hiện năm 2019; Kết quả năm 2020, nếu chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận (chủ yếu dựa vào chỉ tiêu lợi nhuận) tăng, giảm thì tiền lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, trưởng ban kiểm soát tăng, giảm theo tỷ lệ % tương ứng.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2020

1. Khó khăn, thuận lợi

1.1. Những khó khăn:

- Các hoạt động của công ty chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch Covid – 19 nhất là trong công tác thị trường, giải quyết công nợ và tổ chức thực hiện các công việc trong điều kiện cách ly, giãn cách xã hội;

- Sản lượng kí kết hợp đồng năm 2020 không cân đối giữa các bộ phận, chủ yếu tập trung vào công tác dự án, quy hoạch, khảo sát địa hình; công việc cho bộ phận thiết kế, giám sát, khảo sát địa chất thấp, các hợp đồng có giá trị nhỏ, thực hiện khó khăn;

- Công việc giữa các đơn vị không đồng đều, tập trung vào một số bộ phận, một số nhóm, đã tạo áp lực dẫn đến chậm tiến độ, chất lượng hạn chế;

- Việc tuyển dụng lao động có chất lượng chưa được cải thiện; lao động mới ra trường được tuyển dụng có trình độ, năng lực hạn chế. Trong khi công tác đào tạo tại chỗ chưa được các đơn vị quan tâm mặc dù mặc dù lãnh đạo Công ty đã có nhiều chỉ đạo sát sao;

- Công tác quản lý chất lượng đã được công ty quan tâm nhưng tại các đơn vị chưa nhận thức đầy đủ, thực hiện chưa tốt, vẫn còn có những sai sót, sự cố cần giải quyết;

- Một số đối thủ cạnh tranh chính của Công ty có sự đầu tư mạnh mẽ trong việc phát triển khoa học, công nghệ, với việc quảng bá mạnh bước đầu đã gây khó khăn cho công tác thị trường của Công ty.

1.2. Những thuận lợi:

- Công ty tiếp tục duy trì, phát huy được tinh thần đoàn kết;

- Uy tín, thương hiệu của công ty tiếp tục được khẳng định trên thị trường; Công ty tận dụng được các điều kiện, cơ hội lập quy hoạch tổng thể hệ thống cảng biển Việt Nam để khẳng định uy tín, thương hiệu với các cơ quan quản lý nhà nước. Đồng thời, tận dụng cơ hội này để tiếp cận các các cơ quan, chủ đầu tư tìm kiếm cơ hội việc làm;

- Hầu hết cán bộ, công nhân viên, người lao động trong công ty có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao;

- Các chi nhánh, các phòng, đơn vị sản xuất đã xác định rõ chức năng, nhiệm vụ; có sự phối, kết hợp, hỗ trợ nhau trong công tác sản xuất;

- Công tác thị trường, quản trị, điều hành, tổ chức sản xuất của Công ty và các Chi nhánh đã có sự chuyển biến tốt.

- Công ty nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của các cơ quan quản lý Nhà nước, các Chủ đầu tư, đối tác, khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là sự quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;

2. Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

Đơn vị tính: Tỉ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	So sánh TH 2020 /KH 2020	So sánh TH 2020/ TH 2019
1	Tổng doanh thu	119	119,033	118,101	100,03%	100,79%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26	26,527	25,521	102,03%	103,94%

2.2. Kết quả đầu tư:

- Thực hiện đầu tư theo kế hoạch của năm 2019 tổng giá trị 285,8 triệu đồng: Thực hiện hoàn thành đầu tư hạ tầng phục vụ họp trực tuyến tại Công ty và các Chi nhánh;

- Thực hiện đầu tư theo kế hoạch năm 2020 và bổ sung tổng giá trị 740,5 triệu đồng, bằng 110,5% kế hoạch: Đầu tư thiết bị, công nghệ bay không người lái; máy đo triều ký tự ghi; máy chủ và phần mềm văn phòng điện tử và các thiết bị, phần mềm khác.

- Tiếp tục thực hiện các thủ tục hoàn trả nhà số 25 Võ Thị Sáu, gia hạn thuê đất tại Chùa Vẽ và thực hiện thủ tục thuê đất tại 123 Tôn Thất Thuyết. Tuy nhiên do các nguyên nhân khách quan, chủ quan nên đến nay chưa hoàn thành theo kế hoạch.

Các thiết bị, phần mềm, công cụ, dụng cụ được đầu tư, sử dụng ngay vào hoạt động sản xuất của Công ty đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả;

Công ty tiếp tục sử dụng tiết kiệm diện tích văn phòng tại tầng 12, tháp Tây Hancorp Plaza, dành 305,3m2 cho thuê, với số tiền cho thuê thu được năm 2020 là: 1.097 triệu đồng; Với số vốn góp thực tế 6,11 tỉ đồng vào các công ty liên kết, năm 2020, Công ty thu được số cổ tức là 746,9 triệu đồng (tương ứng 12,22% vốn góp).

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu tài chính năm 2020 (đã được kiểm toán):

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 31/12/2019
A. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**343.171.460.280**	**329.534.566.362**
1. Tài sản ngắn hạn	**261.841.762.438**	**116.495.173.537**
- Tiền và các khoản tương đương tiền	*43.022.147.078*	*16.541.912.257*
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	*149.580.000.000*	*37.100.000.000*
- Các khoản phải thu ngắn hạn	*33.966.050.394*	*27.206.611.293*

- Hàng tồn kho	*35.048.059.176*	*35.310.650.151*
- Tài sản ngắn hạn khác	*225.505.790*	*335.999.836*
2. Tài sản dài hạn	**81.329.697.842**	**213.039.392.825**
- Các khoản phải thu dài hạn	*25.205.000.000*	*29.905.000.000*
- Tài sản cố định	*28.262.149.339*	*30.551.089.655*
- Tài sản dở dang dài hạn	*27.622.115.000*	*152.422.115.000*
- Tài sản dài hạn khác	*240.433.503*	*161.188.170*
B. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**343.171.460.280**	**329.534.566.362**
1. Nợ phải trả	**258.763.338.062**	**248.918.308.721**
- Nợ ngắn hạn	*258.601.390.062*	*248.756.360.721*
- Nợ dài hạn	*161.948.000*	*161.948.000*
2. Vốn chủ sở hữu	**84.408.122.218**	**80.616.257.641**
- Vốn góp của chủ sở hữu	*40.040.000.000*	*40.040.000.000*
- Quỹ đầu tư phát triển	*21.449.700.934*	*20.010.067.634*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	*22.918.421.284*	*20.566.190.007*
C. KẾT QUẢ SXKD		
- Tổng doanh thu	*119.032.499.466*	*118.101.734.084*
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	*26.527.759.491*	*25.521.048.331*
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	*22.918.421.284*	*20.566.190.007*

2. Bảo toàn và phát triển vốn: *Đơn vị tính: đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2019
1	Vốn điều lệ	40.040.000.000	40.040.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	21.449.700.934	20.010.067.634
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.918.421.284	20.566.190.007
	Tổng cộng:	**84.408.122.218**	**80.616.257.641**

3. Các chỉ tiêu tài chính khác:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	1,01	0,47	
+ Hệ số thanh toán nhanh *((Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)*	0,88	0,33	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,76	
+ Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,07	3,09	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (*Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	1,76	1,76	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	29,05%	30,37%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	22,99%	20,55%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27,15%	25,51%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,68%	6,24%	
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	26,54%	25,10%	

2. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Khoản mục	Dự kiến phân phối Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt (34,35% vốn điều lệ)	13.753.740.000	60% LNST
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	1.604.289.490	7% LNST
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.956.102.304	26% LNST
4	Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	1.604.289.490	7% LNST
	Tổng cộng:	**22.918.421.284**	**100% LNST**

IV. PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ NĂM 2021

1. Các khó khăn, thách thức trong năm 2021:

- Đại dịch Covid 19 còn có những diễn biến khó lường; sự xuất hiện trở lại của đại dịch Covid 19 trong những tháng đầu năm đã ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư một số dự án nằm trong kế hoạch 2021 của công ty;

- Các đối thủ cạnh tranh của Công ty tiếp tục có sự đầu tư mạnh mẽ trong phát triển khoa học công nghệ;

- Do tính chất đặc thù của công việc tư vấn về thời gian, cường độ làm việc, trong điều kiện chế độ chính sách đãi ngộ còn có những hạn chế nhất là đối với lao động có chất lượng, đã ảnh hưởng đến việc thu hút, tuyển dụng lao động;

- Các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, tỉnh… thực hiện theo Luật Quy hoạch mới chưa được phê duyệt cũng ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và thời gian thực hiện các thủ tục của các dự án;

2. Dự kiến kế hoạch các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu	119,033 tỉ đồng	Phấn đấu đạt từ 120 tỉ đồng trở lên
2	Lợi nhuận trước thuế	26,527 tỉ đồng	Phấn đấu đạt từ 27 tỉ đồng trở lên
3	Nộp NSNN	17,488 tỉ đồng	Thực hiện đầy đủ theo quy định
4	Trả cổ tức	Dự kiến trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt 13.753.740.000đ (tương ứng 34,35% vốn điều lệ)	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ 30% vốn điều lệ trở lên

2. Kế hoạch đầu tư năm 2021

a) Thực hiện công tác đào tạo, tập trung đầu tư, ứng dụng có hiệu quả thiết bị, phần mềm, công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý, tổ chức sản xuất tại Công ty. Trong năm 2021 thực hiện đầu tư 3.356.550.000 đồng, với các nội dung như sau: Thực hiện công tác đào tạo và đầu tư phần mềm; thiết bị đo sâu đa tia MB2; Máy tính, thiết bị văn phòng khác...

b) Tiếp tục bám sát các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết dứt điểm các thủ tục liên quan đến khu đất Chùa Vẽ, nhà 123 Tôn Thất Thuyết và 25 Võ Thị Sáu.

c) Nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư văn phòng Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét trên nguyên tắc sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính hiện có của công ty để đầu tư tại vị trí có khả năng sinh lời, đáp ứng điều kiện làm việc của Chi nhánh trước mắt cũng như lâu dài.

B. BÁO CÁO TIỀN THÙ LAO CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020, KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Kết quả thực hiện chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc năm 2020:

Mặc dù các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận tăng không nhiều so với kế hoạch năm 2020, thực hiện năm 2019, nhưng việc tăng này đã khẳng định lỗ lực lớn trong công tác quản trị, điều hành trong điều kiện thực hiện mục tiêu kép. Tuy vậy, trước các khó khăn chung, Hội đồng quản trị Công ty kiến nghị vẫn giữ nguyên mức chi trả theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 để quyết toán, thanh toán tiền lương, thưởng, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc năm 2020, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT (chuyên trách): 98.280.000 đồng/tháng.

- Tổng Giám đốc : 88.452.000 đồng/tháng.

- Trưởng BKS (chuyên trách): 32.928.000 đồng/tháng.

- Thành viên HĐQT (không chuyên trách): 2.500.000 đồng/người/tháng

- Thành viên ban kiểm soát (không chuyên trách) 1.000.000 đồng/người/tháng.

2. Phương án chi trả thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc năm 2021:

Hội đồng quản trị đề nghị năm 2021, mức lương Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát giữ như năm 2020, thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách giữ nguyên như thực hiện năm 2020. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021, nếu chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận (chủ yếu dựa vào chỉ tiêu lợi nhuận) tăng, giảm theo các chỉ tiêu mà nghị quyết ĐHĐ cổ đông năm 2021 thông qua thì tiền lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, trưởng ban kiểm soát tăng, giảm theo tỷ lệ % tương ứng. Quyết toán thù lao, tiền lương, tiền thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc sẽ thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

C. LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, được sự ủy quyền của Đại hội năm 2020, HĐQT đã xem xét, thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán TTP để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020. HĐQT đề nghị Đại hội năm 2021 tiếp tục ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát.

D. BÁO CÁO CỦA HĐQT VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

1. Tổ chức các cuộc họp: HĐQT đã tổ chức 6 cuộc họp định kì; 04 cuộc họp bất thường; 15 cuộc họp thông qua các hợp đồng kinh tế, các nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ nội dung, các cuộc họp đều biểu quyết các chỉ tiêu chính, có biên bản thông qua

2. Năm 2020, HĐQT đã quyết định các vấn đề sau:

- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu, thực hiện các thủ tục tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

- Quyết định phê duyệt chi phí sản xuất và đơn giá tiền lương năm 2020 cho Công ty và chi nhánh;

- Quyết định các nội dung về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Sáp nhập phòng Quản lý dự án và giám sát xây dựng với phòng Thiết kế Quy hoạch thành phòng Dự án Công trình trực thuộc Chi nhánh Hồ Chí Minh;

+ Thành lập Tổ khoan trực thuộc Phòng kỹ thuật địa chất của Chi nhánh Hồ Chí Minh; sáp nhập Tổ khoan I và Tổ khoan II thành Tổ khoan Địa chất trực thuộc Công ty;

+ Thành lập phòng Kỹ thuật khảo sát Địa hình

+ Sắp xếp phòng Thiết kế và Giám sát Hải Phòng

+ Thực hiện thủ tục bổ nhiệm 01 Phó tổng giám đốc và 1 quyền giám đốc Chi nhánh Hải Phòng;

+ Thông qua nghị quyết để Tổng giám đốc bổ nhiệm các chức danh khác thuộc thẩm quyền;

- Quyết định công tác đầu tư gồm: thiết bị phục vụ họp trực tuyến; thiết bị khảo sát công nghệ bay không người lái; máy đo triều ký tự ghi; máy chủ và phần mềm văn phòng điện tử và các thiết bị, phần mềm khác.

- Thực hiện các thủ tục để chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông;

- Thông qua và phê duyệt kế hoạch tiền gửi nhằm đảm bảo sử dụng an toàn hiệu quả đồng vốn của công ty;

- Thông qua và phê duyệt các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn hơn 3 tỷ đồng; các hợp đồng thầu phụ theo quy chế của Hội đồng quản trị.

- Phê duyệt đơn vị kiểm toán tài chính năm 2019 trên cơ sở đề nghị của ban kiểm soát;

- Thường xuyên giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty.

- Thường xuyên bán sát các chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về phòng chống dịch Covid 19, đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu kép.

- Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia với BĐH về công tác chỉ đạo sản xuất, quan hệ khách hàng, mở rộng thị trường.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT

Mặc dù trong năm 2020, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng HĐQT đã dự báo đúng tình hình, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, sát với thực tế; có các quyết định, chỉ đạo kịp thời, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh, nhờ đó trong năm 2020, Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra.

- Bên cạnh sự hoạt động tích cực của đa số thành viên HĐQT, còn có những thành viên HĐQT do kiêm nhiệm các chức danh quản lý khác, nên chưa phân rõ trách nhiệm của thành viên HĐQT và thành viên Ban điều hành nên nhiệm vụ thành viên HĐQT đôi lúc thực hiện chưa tốt.

4. Công tác giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác

- Năm 2020, mặc dù công tác điều hành sản xuất gặp rất nhiều khó khăn do công tác thị trường, phòng chống dịch Covid 19, nhưng Tổng giám đốc, Ban điều hành và người quản lý khác đã phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo, thực hiện nghiêm chỉnh điều lệ, quy chế quản trị nội bộ, các chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã đề ra.

- Bên cạnh đó, công tác báo cáo của ổng giám đốc, Ban điều hành và người quản lý khác đôi lúc chưa kịp thời theo quy định; công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý chất lượng, đào tạo, tuyển dụng lao động chuyển biến chậm.

5. Định hướng hoạt động của hội đồng quản trị

a) Định hướng chung: Trên cơ sở nghị quyết đại hội đồng cổ đông hàng năm, HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế để cùng ban điều hành đưa ra các giải pháp cụ thể để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp. Trong đó cần tiếp tục làm tốt công tác thị trường, mở rộng khách hàng kể các nhà đầu tư nước ngoài, các công ty liên doanh; hợp tác với các đơn vị tư vấn mạnh trong và ngoài nước; nâng cao chất lượng nguồn nhận lực; đầu tư trang thiết bị, phần mềm, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ trong quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất; phấn đấu trong năm 2021 và những năm tiếp theo công ty tiếp tục thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua; đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; đảm bảo quyền lợi của các cổ đông; vốn chủ sở hữu được bảo toàn, phát triển; uy tín, thương hiệu ngày càng được khẳng định, nâng cao; giữ vững là đơn vị tư vấn hàng đầu của Việt Nam.

b) Nhiệm vụ thực hiện năm 2021

- Xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông năm 2021 để tổ chức thực hiện;

- Cập nhật, bổ sung giao kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể cho Tổng giám đốc trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

- Phê duyệt phương án đầu tư để Tổng giám đốc triển khai thực hiện, trong đó đẩy mạnh công tác đào tạo, đầu tư, ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả thiết bị, phần mềm, công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý, tổ chức sản xuất tại Công ty;

- Tiếp tục có các giải pháp ứng phó, chỉ đạo sát sao việc thực hiện mục tiêu kép sản xuất kinh doanh và phòng chống dịch covid 19;

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại điều lệ Công ty;

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:
- UBCK NNN; Sở GDCK HN;
- Tổng Cty HHVN (để b/c) ;
- Các thành viên HĐQT, Ban KS;
- Các cổ đông ;
- Website;
- Lưu HĐQT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

S.Đ.K.K.D: 0200119411-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Hoàng Tiến Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

S.Đ.K.K.D: 0200119411-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 5/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XDCT HÀNG HẢI
BAN KIỂM SOÁT
----------***----------

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải;

- Căn cứ quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 02/2020/NQ-CMB ngày 19/6/2020;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP ngày 19/03/2021;

Ban kiểm soát xin trân trọng báo cáo trước Đại hội về tình hình hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao năm 2020; Phương hướng nhiệm vụ năm 2021, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu BKS gồm 3 thành viên

- Bà Đoàn Thị Như Ý - Trưởng Ban kiểm soát công ty
- Ông Nguyễn Quang Hưng - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Hoàng Văn Dũng - Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có đầy đủ trình độ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn làm thành viên ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải được bổ sung sửa đổi tháng 4/2016.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan. Tập trung thực hiện kiểm soát theo các nội dung chính sau:

- Giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Thực hiện kiểm soát công tác tài chính kế toán, lập báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo sản xuất kinh doanh, tình hình quản trị công nợ.

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT.

- Tổ chức các buổi làm việc trực tiếp của các thành viên Ban kiểm soát với các phòng ban có liên quan của công ty.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

- Tổ chức cuộc họp triển khai phân công nhiệm vụ năm 2020 cho từng thành viên, và thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát năm 2020.

- Tổ chức cuộc họp xem xét, thẩm định các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; Xem xét thẩm định báo cáo tài chính, tình hình hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2020.

- Tổ chức cuộc họp đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2020.

- Tổ chức họp xem xét, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và các nội dung khác liên quan theo quy định của Điều lệ Công ty và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến cả năm 2020.

Số thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp là 3/3 người.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban điều hành

- Năm 2020, Ban kiểm soát được HĐQT và Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính của Công ty.

- Ban kiểm soát được tham dự hầu hết các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp định kỳ, 04 cuộc họp bất thường và 15 cuộc họp thông qua các hợp đồng kinh tế, các nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ nội dung và tài liệu, theo đúng quy định của Điều lệ công ty và các quy định pháp luật liên quan. Vì vậy Chủ tịch HĐQT không trực tiếp điều hành nhưng vẫn nắm được tình hình hoạt động của công ty để phục vụ công tác chỉ đạo kịp thời đối với Ban điều hành.

- Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành 6 nghị quyết và 30 Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định thông qua tại các cuộc họp đều được thống nhất ý kiến của tất các thành viên tham dự và đã phản ánh được định hướng, chiến lược, giải pháp kinh doanh của công ty phù hợp với tình hình thực tế. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ được giao theo đúng Điều lệ công ty nói chung và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 nói riêng.

- Đồng chí Chủ tịch HĐQT đã hỗ trợ Công ty rất nhiều trong công tác tìm kiếm việc làm, góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD do Đại hội cổ đông giao.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về hoạt động của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành

- Trong năm 2020, Ban điều hành đã triển khai hoạt động SXKD phù hợp với các quy định, quy chế quản lý của công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật. Trong năm 2020, Tổng giám đốc đã trình HĐQT 23 tờ trình chủ yếu tập trung vào các vấn đề đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, sắp xếp nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế. Các dịch vụ của công ty đã được khách hàng trong nước cũng như nước ngoài tín nhiệm, đánh giá cao, khẳng định được hình ảnh, vị thế, thương hiệu của Công ty Cổ phần Tư vấn XDCT Hàng hải, đời sống người lao động ngày càng được ổn định, yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với công ty.

- Ban điều hành đã cố gắng trong việc kết nối với các Chủ đầu tư để giữ vững khách hàng truyền thống và tìm kiếm khách hàng mới. Năm 2020 là một năm đầy khó khăn do tình hình dịch bệnh nhưng với sự nỗ lực cao của Ban điều hành nên Công ty đã hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Ban điều hành mặc dù đã tích cực đôn đốc thu hồi nợ xấu nhưng trong năm 2020 chưa thu hồi được các khoản nợ này từ khách hàng.

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về các hoạt động điều hành của Ban điều hành công ty.

3. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp thế giới từ cuối năm 2019 đến nay chưa chấm dứt, kinh tế cả nước chịu ảnh hưởng nặng nề. Mặc dù dịch bệnh Covid-19 diễn biến khó lường, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty nhưng với quyết tâm đồng lòng của CBCNV và chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải, tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 đạt được những kết quả tốt như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020			Thực hiện 2019	So sánh cùng kỳ (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ %		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)	(8)=(5)/(7)
1	Doanh thu	Tr.đồng	119	119,03	100,03%	118,10	100,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	26	26,53	102,0%	25,52	103,9%
3	Tỷ lệ chia cổ tức	%/năm	25%	Dự kiến 34,35%		30,82%	

- Năm 2020, công ty đã kí kết được 228 hợp đồng, tổng giá trị 156,22 tỉ đồng, bằng 120,2% (156,22 tỉ đồng/130 tỷ đồng) so với kế hoạch.

- Tổng doanh thu đạt 119,032 tỉ đồng, bằng 100,8% so với thực hiện năm 2019 và bằng 100,03% kế hoạch năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 26,527 tỉ đồng, bằng 103,9% so với thực hiện năm 2019 và bằng 102% kế hoạch năm 2020.

- Nộp ngân sách nhà nước đạt 17,488 tỉ đồng theo đúng quy định.

3.2. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

3.2.1. Đầu tư góp vốn vào các Công ty:

Năm 2020 không phát sinh số tiền góp vốn, số dư góp vốn vẫn giữ ở mức 6,112 tỷ đồng. Qua báo cáo, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên kết và các công ty đầu tư góp vốn tiếp tục diễn biến thuận lợi, đạt kế hoạch lợi nhuận đề ra, cụ thể theo bảng sau:

TT	Tên công ty	Số lượng cổ phần sở hữu	Mệnh giá cổ phần	Vốn góp ban đầu	Vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty CP Đầu tư và tư vấn thiết kế Số Một	75.000 cổ phần	10.000 đồng/CP	225.000.000	750.000.000	25%
2	Công ty CP Tân Cảng 189 - Hải Phòng	300.000 cổ phần	10.000 đồng/CP	3.000.000.000	3.000.000.000	3%
3	Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn	100.000 cổ phần	10.000 đồng/CP	1.000.000.000	1.000.000.000	0,93%
4	Công ty CP Cảng Mỹ Thới An Giang	187.000 cổ phần	10.000 đồng/CP	1.897.115.000	1.870.000.000	1,37%
	Cộng	**662.000 cổ phần**		**6.122.115.000**	**6.620.000.000**	

3.2.2. Đầu tư mua sắm tài sản:

a. Thực hiện đầu tư theo kế hoạch năm 2020 và bổ sung: Công ty đã đầu tư tổng giá trị 740,5 triệu đồng, bằng 110,5% kế hoạch gồm đầu tư thiết bị, công nghệ bay không người lái; máy đo triều ký tự ghi; máy chủ, phần mềm văn phòng điện tử và các thiết bị, phần mềm khác, chi tiết như sau:

Đơn vị: Đồng

STT	Danh mục đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020			Thực hiện đầu tư năm 2020			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
A	**ĐẦU TƯ THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2020**				**670.000.000**			**558.914.544**	
I	***Công ty***				***500.000.000***			***452.634.545***	
1	Hệ thống văn phòng điện tử và thư viện điện tử	toàn bộ	1	250.000.000	250.000.000	1	270.000.000	270.000.000	
2	Các thiết bị tài sản khác	toàn bộ	1	250.000.000	250.000.000	1	182.634.545	182.634.545	
II	***Chi nhánh Hải Phòng***				***80.000.000***			***16.954.545***	
1	Máy in đen trắng A3	cái	1	30.000.000	30.000.000	1			
2	Các thiết bị tài sản khác	toàn bộ	1	50.000.000	50.000.000	1		16.954.545	
III	***Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh***				***90.000.000***			***89.325.454***	
1	Máy in màu A3	cái	1	40.000.000	40.000.000	1			
2	Các thiết bị tài sản khác	toàn bộ	1	50.000.000	50.000.000	1		89.325.454	
B	**ĐẦU TƯ BỔ SUNG**							**181.554.545**	
1	Máy khoan XY-1	bộ				1	73.454.545	73.454.545	
2	Máy đo triều ký tự ghi	bộ				1	50.000.000	50.000.000	
3	Thiết bị Flycam	bộ				1	58.100.000	58.100.000	
	CỘNG				670.000.000			740.469.089	

b. Phần đầu tư theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 chuyển sang đầu tư đến T4/2020 là 285,8 triệu đồng, trong đó:

- Hoàn thiện hệ thống họp trực tuyến toàn công ty: 212.400.000 đồng.

- Đầu tư bộ máy khoan địa chất XY-1: 73.454.545 đồng.

3.3 Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính

Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2020, Ban kiểm soát lập bảng tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2019
1	**Cơ cấu tài sản**			
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	23,70%	64,65%
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,30%	35,35%
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	75,40%	75,54%
-	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	24,60%	24,46%
-	Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	3,07	3,09
3	**Khả năng thanh toán**			
-	Khả năng thanh toán tức thời (Tiền và TĐ tiền/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,166	0,066
-	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,88	0,33
-	Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,01	0,47
4	**Hiệu quả**			
-	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản - ROA	%	6,68%	6,24%
-	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần - ROS	%	22,99%	20,55%
-	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH - ROE	%	27,15%	25,51%

(1) Cơ cấu nguồn vốn:

- Tại ngày 31/12/2020, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 3,07 lần, hệ số này tương đối cao do giá trị người mua trả tiền trước ngắn hạn lớn, chiếm 85,69% trên tổng nợ phải trả.

- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn đạt 24,60%. Công ty hoạt động bằng nguồn vốn tự có và tận dụng nguồn tiền từ người mua trả tiền trước mà không phải sử dụng nguồn vốn vay.

(2) Hệ số khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán tức thời năm 2020 là 0,166 lần tăng so với năm 2019. Hệ số khả năng thanh toán tức thời không cao, tiền và tương đương tiền năm 2020 là 43,02 tỷ đồng, trong khi nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 258,60 tỷ đồng. Lý do chỉ tiêu tiền và tương đương tiền thấp là công ty đã tận dụng khoản tiền nhàn rỗi gửi tiết kiệm có kỳ hạn với mức lãi suất cao hơn mức lãi suất không kỳ hạn để nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của Công ty. Do các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn nêu trên có thể tất toán bất kỳ lúc nào nên Công ty hoàn toàn cân đối được dòng tiền để trả nợ.

(3) Các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh: Các chỉ tiêu ROA, ROS và ROE đều đạt ở mức cho phép từ 6,68% ÷ 27,15%, điều này chứng tỏ công ty làm ăn có hiệu quả.

4. Đánh giá về việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính:

Qua thẩm tra các Báo cáo tài chính năm tài chính năm 2020 của Công ty, Ban Kiểm soát xin báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

- Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2020 của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng tình hình tài chính của Công ty, tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông, UBCK và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội một cách kịp thời theo đúng các quy định hiện hành đối với công ty đại chúng.

- Ban Kiểm soát không có ý kiến nào khác về các số liệu đã được thể hiện trong các Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020. Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH TTP kiểm toán độc lập.

5. Đánh giá cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty năm 2020 có dự thay đổi so với năm 2019. Công ty đã miễn nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 Quyền Giám đốc Chi nhánh trong tháng 7 năm 2020. Ngoài ra Công ty sắp xếp lại một số Phòng, tổ sản xuất, bổ nhiệm cán bộ Phòng, tổ sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty. Đánh giá chung về cơ cấu tổ chức Công ty có bộ máy quản lý, điều hành tinh gọn, nhân lực có trình độ chuyên môn và tận tâm với công việc.

Số lượng lao động nghỉ việc theo nguyện vọng của cá nhân người lao động, công ty đã giải quyết theo luật lao động và quy chế công ty. Đồng thời công tác tuyển dụng lao động bổ sung để đủ nhân lực làm việc, công tác tuyển dụng đã làm đúng quy trình tuyển dụng của công ty. Tổng số lao động tính đến 31/12/2020 là 140 người.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Năm 2020, HĐQT và Ban điều hành đã nỗ lực làm việc, có trách nhiệm trong việc kiểm soát, duy trì sự ổn định, khắc phục khó khăn và hoàn thành các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua. Để công ty tiếp tục hoạt động hiệu quả trong năm tới, BKS kiến nghị một số ý kiến sau:

(1). Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cần xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và phù hợp với thực tiễn hiện này do dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp.

(2). Tiếp tục thực hiện các thủ tục hoàn trả nhà số 25 Võ Thị Sáu, gia hạn thuê đất tại Chùa Vẽ và thực hiện thuê đất tại 123 Tôn Thất Thuyết.

(3). Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị nợ phải thu: Rà soát, đánh giá và thu hồi các khoản nợ khó đòi, không để phát sinh thêm nợ xấu.

(4). Nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho: Quản lý định mức mua sắm vật tư để đảm bảo quản trị tốt hàng tồn kho ở mức hợp lý, tránh hư hỏng, mất mát.

(5). Năm 2021 nhiều Luật và văn bản dưới luật thay đổi như Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, Bộ luật lao động ... Đề nghị Công ty rà soát, hoàn thiện và xây dựng lại các quy chế, quy định cho phù hợp với các quy định hiện hành.

(6). Tiếp tục đầu tư và tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu quản trị, điều hành và phát triển của Công ty theo chủ đề năm 2021 là "Chuyển đổi số trong Doanh nghiệp".

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2021 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị.

- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh 6 tháng và hàng năm của Công ty.

- Kiểm soát tình hình quản lý vốn, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành.

- Các thành viên Ban kiểm soát tích cực cập nhật chính sách, quy định mới ban hành và tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời tiếp tục rà soát các quy định và điều lệ của công ty.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban kiểm soát.

Tôi xin thay mặt Ban kiểm soát, cảm ơn quý cổ đông đã tin tưởng giao nhiệm vụ cho chúng tôi, cảm ơn HĐQT và Ban điều hành Công ty đã hỗ trợ BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Trình Đại hội cổ đông;
- HĐQT;
- Lưu BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Đoàn Thị Như Ý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

(Được ban hành lại theo Nghị quyết số /2021/NQ-CMB ngày 6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số)

S.Đ.K.K.D: 0200119411-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG 4
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 4
MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 7
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty 7
MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY. 8
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty 8
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU 10
Điều 6. Vốn điều lệ 10
Điều 7. Cổ phần 11
Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu 11
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông 11
Điều 10. Chào bán cổ phần 12
Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty 12
Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 13
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần 13
Điều 14. Trả cổ tức 14
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 14
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC 14
Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 14
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 15
Điều 16. Quyền của cổ đông 15
Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông 17
Điều 18. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức 18
Điều 19. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức 18
Điều 20. Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 23. Thay đổi các quyền 22
Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 23

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 27. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua 27
Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 28
Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 30
Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 30
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 31
Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 31
Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 32
Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 32
Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 32
Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 33
Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 35
Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị 36
Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 37
Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị 39
Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 39
Điều 41. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 40
Điều 42. Người phụ trách quản trị công ty 40
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 41
Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý 41
Điều 44. Người điều hành Công ty 41
Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 42
Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc 43
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT 44
Điều 47. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát 44
Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát 44
Điều 49. Trưởng Ban kiểm soát 45
Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 46
Điều 51. Cuộc họp của Ban kiểm soát 48
Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên 48
MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 48
Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Công ty 48
Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 49
Điều 55. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này 50
Điều 56. Công khai lợi ích có liên quan 52
Điều 57. Công khai thông tin 53
Điều 58. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 53

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 54
MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 54
Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 55
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY 55
Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty 55
CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC 56
Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác 56
Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên 56
Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên 56
CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY 57
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 57
Điều 65. Phân phối lợi nhuận 57
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH 57
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 57
Điều 66. Tài khoản ngân hàng 57
Điều 67. Năm tài chính 58
Điều 68. Chế độ kế toán 58
MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 58
Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 58
Điều 70. Báo cáo thường niên 58
MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY 59
Điều 71. Kiểm toán 59
MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY 59
Điều 72. Dấu của Công ty 59
MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY 59
Điều 73. Giải thể Công ty 59
Điều 74. Thanh lý 60
MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 60
Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ 60
MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 61
Điều 76. Điều lệ Công ty 61
MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC 61
Điều 77. Ngày hiệu lực 61

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan,

Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải (sau đây gọi là "Điều lệ") được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải ngày tháng 6 năm 2021 (theo Nghị quyết số /2021/NQ-CMB).

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) **"Luật Doanh nghiệp"** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) **"Luật Chứng khoán"** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) **"Công ty"** là Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình hàng hải – viết tắt CMB;

d) **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

e) **"Vốn điều lệ"** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 8 Điều lệ này;

f) **"Vốn có quyền biểu quyết"** là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) **"Người quản lý doanh nghiệp"** là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

h) **"Người điều hành doanh nghiệp"** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh.

i) **"Người có liên quan"** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j) **"Cổ đông"** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

k) **"Cổ phiếu"** là chứng chỉ do CMB phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của CMB. Cổ phiếu bao gồm các nội dung được quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp;

l) **"Cổ đông lớn"** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;

m) **"Cổ phần đã bán"** là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty;

n) **"Cổ phần được quyền chào bán"** là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

o) **"Cổ phần chưa bán"** là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;

p) **"Sở giao dịch chứng khoán"** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

q) **"Thời hạn hoạt động"** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều ...lệ này;

r) **"Sổ đăng ký cổ đông"** là tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này;

s) **"Đại hội đồng cổ đông"** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

t) **"Hội đồng quản trị"** là Hội đồng quản trị của Công ty;

u) **"Ban kiểm soát"** là Ban kiểm soát của Công ty;

v) **"Tổng giám đốc"** là Tổng giám đốc của Công ty;

w) **"Kế toán trưởng"** là Kế toán trưởng Công ty;

x) **"Việt Nam"** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

y) **"Pháp luật"** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
- Tên giao dịch quốc tế : CONSTRUCTION CONSULTATION JOINT STOCK COMPANY FOR MARITIME BUILDING
- Tên viết tắt tiếng Việt : CMB
- Tên viết tắt tiếng Anh : CMB
- Loại hình công ty : Công ty cổ phần
- Logo: CMB

2. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty và các Chi nhánh:

a. Trụ sở đăng ký của Công ty

- Địa chỉ : Tầng 12 tháp Tây tòa nhà Hancorp Plaza - 72 đường Trần Đăng Ninh – phường Dịch Vọng – quận Cầu Giấy – thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 37566891 và 024 37545293
- Fax : 024 37566892
- E-mail : cmbsince1966@cmbvn.com.vn
- Website : cmbvn.com.vn

b. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ : Số 123 Tôn Thất Thuyết, phường 15, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 62874840
- Fax : 028 39404233
- E-mail : cmbhcm@ cmbvn.com.vn
- Website : cmbvn.com.vn

c. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Công ty tại thành phố Hải Phòng

- Địa chỉ : Số 112 Lê Thánh Tông, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Điện thoại : 0225 3826817
- Fax : 0225 3826815
- E-mail : cmbhp@ cmbvn.com.vn
- Website : cmbvn.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 73 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kinh doanh kho bãi;	5210
3	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ tư vấn hàng hải, tư vấn lập hồ sơ công bố mở cảng biển, luồng tàu; Dịch vụ khí tượng, thủy văn, thí nghiệm, kiểm tra độ bền cơ học, kết cấu xây dựng và đánh giá tài sản;	7490
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp;	4290
5	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619

6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình điện năng (trạm biến thế và đường dây tải điện); - Thiết kế điện công trình; - Thiết kế công trình cấp thoát nước; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; - Thiết kế kiến trúc, công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; - Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế công trình giao thông; - Thiết kế công trình cho máy xếp dỡ; - Thiết kế vỏ tàu, cơ khí tàu thủy, bến phao; - Thiết kế các công trình giao thông cảng, đường thủy, bảo đảm an toàn hàng hải; - Thiết kế công trình thủy lợi; - Điều tra khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; - Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ bề mặt trái đất, đáy biển; - Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, - Thẩm tra: báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng các công trình giao thông, dân dụng công nghiệp, thiết kế kỹ thuật; - Kiểm định công trình xây dựng; - Lập quy hoạch các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp; - Tư vấn lập báo cáo đầu tư xây dựng, báo cáo dự án đầu tư xây dựng, báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; - Tư vấn đấu thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong xây dựng); - Kiểm định chất lượng công trình; - Kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng cảng biển.	7110

7	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	Ngành nghề chưa khớp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

a) Xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty luôn là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng công trình cảng- đường thuỷ, giao thông, dân dụng và công nghiệp; với chiến lược phát triển ổn định và bền vững trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng; chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

b) Tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông trên cơ sở xây dựng hệ thống quản lý, điều hành gọn nhẹ, hiệu lực, hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin và công cụ quản lý tiên tiến, quản trị tốt nhất các nguồn lực và hoạt động sản xuất kinh doanh.

c) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty.

d) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

e) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 40.040.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi tỷ, không trăm bốn mươi triệu đồng).*

2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này.

Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 7. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND *(Bằng chữ: mười nghìn đồng)*.

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 4.004.000 cổ phần *(Bằng chữ: Bốn triệu, không trăm linh bốn ngàn cổ phần)*.

3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên, và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạch được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạch của cổ đông.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng lý cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 10 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 15. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;

4. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 16. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính các của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại Điều 12 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này và điểm c khoản 4 Điều 20 Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông

hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 17. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây: Sở hữu từ 10% đến dưới 36% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 36% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền ;

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không có quan hệ gia đình với người quản lý doanh nghiệp.

Điều 19. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 20. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 56 Điều lệ này;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc xuất trình văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 23. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu

cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 24, 25 và 26 Điều lệ này.

Điều 24. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 25. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa đại hội phải:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 27. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục

triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 28. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

f) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu

Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 27 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 31. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: Sở hữu từ 5% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; sở hữu từ trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; sở hữu từ trên 30% đến 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; sở hữu từ trên 40% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa đủ số ứng viên .

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Điều lệ này, Hội đồng

quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

Điều 32. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 34 Điều lệ này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng

Điều 33. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng quý/sáu (06) tháng/năm, kế hoạch sử dụng, tuyển dụng lao động hằng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

e) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

f) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

i) Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21, khoản 4 Điều 55 Điều lệ này;

k) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định; quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

m) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

n) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/phó Giám đốc Chi nhánh, Kế toán trưởng Chi nhánh theo đề nghị của Tổng giám đốc;

o) Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương;

p) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

q) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;

r) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

s) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

t) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

u) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

v) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

w) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

x) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;

y) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

b) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này.

c) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

f) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

g) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

h) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được

thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phai chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 37. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 39. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 41. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Trong trường hợp thành lập tiểu ban thì số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 42. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp và ghi chép Biên bản họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 43. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 44. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Chi nhánh.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và Bộ máy giúp việc

5.1. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

5.2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

5.3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

5.4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Tổng giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc;

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc/Phó giám đốc, Kế toán trưởng các chi nhánh trực thuộc để Hội đồng quản trị quyết định;

f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;

g) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

h) Tuyển dụng lao động;

i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, sử dụng lao động hằng năm;

l) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của Tổng giám đốc;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

n) Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

d) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 47. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);

e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: Sở hữu từ 5% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; sở hữu từ trên 20% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 49. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 53 Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập khi cần thiết, các phòng, ban của Công ty có liên quan đến công việc để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập

hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 52. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 53. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 56 của Điều lệ này;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 54. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao

dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 55. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 4 Điều này và có giá trị trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong

hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 27 và khoản 8 Điều 28 của Điều lệ này.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 56. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 57. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;

c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 58. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ Công ty;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY

Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại

Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại Điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên

Trong trường hợp Công ty thành lập Công ty TNHH một thành viên, Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ

đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 65. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 68. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 70. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 71. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 72. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật.

MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 73. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 74. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 76. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 77. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 77 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải nhất trí thông qua ngày [...] tháng.... năm 2021 tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2016.

3. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

S.Đ.K.K.D: 0200119411-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /2021/NQ-CMB ngày tháng 6 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I.
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II.
VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông :

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: Được thể hiện tại Điều 21 của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Lập danh sách cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp:

1. HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Trường hợp Công ty đã thực hiện lưu ký cổ phiếu thì danh sách cổ đông sẽ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty tại thời điểm Công ty chốt; Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, Công ty sẽ căn cứ các thông tin về cổ đông được ghi trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và được gửi cho tất cả các cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua đường bưu điện bằng phương thức đảm bảo tới địa chỉ đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông cung cấp. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể sẽ được gửi tới số fax hoặc thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo được gửi tận tay Cổ đông tại nơi làm việc.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi ít nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

3. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu trên địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- Phiếu biểu quyết;

- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 6. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông :

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, các thành viên Hội đồng quản trị cùng với các tiểu ban (nếu có) chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông. Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông được được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong thông báo mời họp gửi cổ đông phải ghi rõ địa chỉ, cách thức tải các tài liệu trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Cổ đông có thể kiến nghị về chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, mọi kiến nghị được gửi bằng văn bản về Hội đồng quản trị Công ty trước 03 ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Văn bản kiến nghị phải nêu rõ họ và tên cổ đông, số cổ phần sở hữu hoặc ủy quyền, nội dung kiến nghị, chữ ký chính của cổ đông.

3 Trong quá trình diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, nếu cổ đông có kiến nghị thì chủ tọa Đại hội sẽ quyết định về những kiến nghị này.

Điều 7. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Việc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

1. Đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện theo các cách sau: Gửi phiếu đăng ký dự họp (theo mẫu của Công ty) bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện hoặc gửi fax hoặc gửi qua thư điện tử tới địa chỉ Công ty thông báo.

2. Trước hoặc vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

Được thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Hình thức và điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Được thực hiện theo Điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu:

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Đối với các vấn đề bỏ phiếu kín, khi tiến hành đăng ký cổ đông hoặc trước khi biểu quyết thông qua vấn đề, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền một phiếu biểu quyết trên đó có ghi họ và tên của cổ đông; số phiếu biểu quyết của cổ đông đó và nội dung vấn đề biểu quyết.

Điều 12. Cách thức kiểm phiếu:

1. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá 05 người.

2. Đối với trường hợp biểu quyết công khai: Việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ban kiểm phiếu tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến để quyết định.

3. Đối với trường hợp bỏ phiếu kín: Cổ đông sẽ bỏ phiếu vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi biểu quyết thông qua vấn đề. Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi Ban kiểm phiếu. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản,

niêm phong số phiếu không sử dụng đến. Ban kiểm phiếu không được gạch, xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp đặc biệt khi Chủ tọa yêu cầu hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định, Công ty sẽ chỉ định một tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

7. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

1. Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu có đủ chữ ký của các thành viên.

2. Trường hợp biểu quyết công khai tại Đại hội: Tổng số phiếu tán thành, không tán thành một vấn đề hoặc không có ý kiến sẽ được Chủ toạ hoặc đại diện Ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành và Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu.

3. Trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín: Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kết quả kiểm phiếu để công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Cách thức phản đối nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại mục 2 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu như quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Biên bản phải có chữ ký của chủ toạ và thư ký. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua;

2. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG IV.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 18. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 dưới đây.

2. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

f) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp nếu đánh giá thấy việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gặp mặt trực tiếp có thể không thực hiện được do dịch bệnh, quyết định của cơ quan quản lý nước có thẩm quyền hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác.

2. Công ty gửi thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Ban tổ

chức đại hội phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông như thực hiện thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức tổ chức họp trực tiếp.

Điều 21. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Điều kiện tham gia:

a) Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

b) Đại diện theo ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

a) Đối với Công ty:

- Đăng kí 01 số điện thoại độc lập phục vụ Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, được gắn trên máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet, được cài đặt phần mềm zalo…. Số điện thoại này sẽ được cung cấp cho các cổ đông khi Công ty gửi thông báo mời họp;

- Thiết bị họp trực tuyến đặt tại văn phòng Công ty nơi Chủ tọa, Thư kí làm việc;

b) Đối với Cổ đông tham dự đại hội: Cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet, được cài đặt phần mềm zalo…).

3. Cách thức ghi nhận cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Cổ đông được ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi cổ đông đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều này.

Điều 22. Cung cấp thông tin đăng nhập

1. Để đảm bảo công tác tổ chức đại hội được chu đáo, Cổ đông phải gửi giấy đăng ký hoặc giấy ủy quyền dự họp theo mẫu kèm theo thông báo mời họp về địa chỉ nêu tại thông báo mời họp bằng cách gửi trực tiếp, qua đường bưu điện, email hoặc fax… nhưng đảm bảo rằng Công ty nhận được theo đúng thời hạn ghi trên thông báo mời họp. Cổ đông đảm bảo rằng, số điện thoại được đăng kí trên giấy đăng ký hoặc giấy ủy quyền dự họp là số điện thoại chính thức sẽ được tương tác trong quá trình diễn ra Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định thành lập sẽ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định. Nếu hợp lệ sẽ thực hiện kết nối zalo với Cổ đông và cung cấp đường link họp trực tuyến và các tài liệu có liên quan qua zalo. Cổ đông có trách nhiệm bảo quản đường link và không được chia sẻ cho những người không có liên quan.

3. Trước thời điểm diễn ra đại hội 15 phút, Công ty sẽ thực hiện mở phòng họp trực tuyến để các đại biểu kết nối theo đường link và hướng dẫn đã gửi cho các đại biểu.

4. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Đoàn Chủ tịch không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

Điều 23. Cách thức tổ chức

1. Công tác tổ chức đại hội được thực hiện tại văn phòng Công ty. Các đại biểu tham dự đại hội thông qua hệ thống trực tuyến.

2. Trình bày các hồ sơ, báo cáo, các nghi thức khác của đại hội được thực hiện tại văn phòng Công ty.

3. Các đại biểu tham gia thảo luận như cách thức đại hội trực tiếp nhưng được thực hiện thông qua hệ thống họp trực tuyến.

Điều 24. Cách thức biểu quyết, bỏ phiếu

1. Biểu quyết các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội:

- Ban tổ chức sẽ gửi tới các cổ đông đường dẫn để thực hiện biểu quyết. Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào mục "Tán thành", "Không tán thành", "Không ý kiến" ở mỗi mội dung cần biểu quyết. Sau đó, cổ đông tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu "Không ý kiến" đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

2. Bầu cử:

- Sau khi chốt danh sách ứng viên, Ban tổ chức sẽ chụp gửi tới các cổ đông phiếu bầu cử theo mẫu của Công ty và các tài liệu có liên quan kèm theo.

- Các đại biểu nghiên cứu, bỏ phiếu bầu cử bằng cách soạn tin nhắn gửi tới số điện thoại đã đăng kí nêu tại Điều 21 thông qua hệ thống zalo theo cú pháp như sau: Mã số cổ đông_ Số cổ phần sở hữu và được ủy quyền_ Tổng số quyền biểu quyết_ số quyền biểu quyết cho ứng viên số 1_ số quyền biểu quyết cho ứng viên số 2…

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu

a) Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

b) Kết quả biểu quyết được Đoàn Chủ tịch hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

Điều 25. Lập biên bản và thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nội dung họp Đại hội trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16 Quy chế này. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được ghi nhận là nơi Đoàn Chủ tịch điều hành đại hội.

2. Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

3. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp như cách thức nêu tại khoản 1 điều 24.

Điều 26. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG VI.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được thể hiện Điều 35 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

a) Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị.

b) Cổ đông có quyền dồn hết quyền biểu quyết của mình cho một ứng viên hoặc phân chia quyền biểu quyết cho một số ứng viên nhưng tổng số quyền biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số quyền biểu quyết được phép của cổ đông đó.

c) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số quyền biểu quyết được bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu riêng các ứng viên có số quyền biểu quyết được bầu ngang nhau để chọn người có số quyền biểu quyết được bầu cao hơn. Trường hợp bầu lại vẫn không lựa chọn được thành viên cuối cùng thì sẽ lựa chọn người nào sở hữu và được ủy quyền nhiều cổ phần hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông.

d) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Hội đồng quản trị phải tổ chức cuộc họp để bầu ra 01 Chủ tịch và các chức danh khác nếu thấy cần thiết.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

- Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

c) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Trừ trường hợp quy định tại điểm trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Điều lệ Công ty.

b) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có) theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

d) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

Điều 30. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Số lượng cuộc họp: Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường nhưng phải đảm bảo ít nhất mỗi quý họp một (01) lần. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí Hội đồng quản trị. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều

có thể: Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

3. Các đề nghị nêu trên phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp;

b) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định.

c) Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

d) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

a) Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT.

b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được tham gia thảo luận và không có quyền biểu quyết.

7. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp;

b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Cách thức biểu quyết

a) Trừ quy định tại mục b dưới đây, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là có liên quan tới lợi ích được quy định tại Điều 54 của Điều lệ Công ty.

12. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

a) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua quyết định, nghị quyết cho các thành Hội đồng quản trị; và

- Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị ghi trong Thông báo lấy ý kiến;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu;

- Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.

- Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

13. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

a) Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự cuộc họp bằng cách gửi Văn bản ủy quyền đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất một (01) ngày trước ngày tổ chức họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị còn lại biết ít nhất một (01) ngày trước ngày tổ chức họp.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

14. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản hoặc các thành viên khác trong cuộc họp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

b) Nội dung biên bản cuộc họp được quy định tại mục 1 Điều 39 Điều lệ Công ty.

c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị;

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty và gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị.

e) Trường hợp Công ty sử dụng hệ thống phần mềm lưu trữ văn bản, hồ sơ tài liệu và điều hành quản trị công việc, việc gửi Biên bản họp được thực hiện trên hệ thống phần mềm này thay vì gửi bản cứng (trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị có yêu cầu khác).

f) Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi.

15. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị có hiệu lực kể cả trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nếu Biên bản bảo đảm thảo mãn các điều kiện tại điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty.

16. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty. Căn cứ vào mô hình tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban giúp việc mà sẽ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các phòng, tổ sản xuất, của các cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, Hội đồng quản trị chỉ định giúp việc cho Hội đồng quản trị trong một thời gian nhất định khi cần thiết.

Điều 33. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, mức lương, khen thưởng, kỷ luật và các quyền lợi khác của Người phụ trách quản trị công ty

a) Bổ nhiệm

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty.

- Hội đồng quản trị quyết định nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty nhưng tối đa là 05 năm và quy định cụ thể trong Quyết định bổ nhiệm.

b) Bổ nhiệm lại: Trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị xem xét việc bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị Công ty.

c) Miễn nhiệm: Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

- Hết nhiệm kỳ mà không được xem xét bổ nhiệm lại;

- Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

- Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

- Các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng quản trịnhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

d) Mức lương, khen thưởng, kỷ luật và các quyền lợi khác: Hội đồng quản trị quyết định mức lương, khen thưởng, kỷ luật và các quyền lợi khác của Người phụ trách quản trị Công ty

3. Thông báo bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty: Công ty thực hiện công bố thông tin về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định về quản trị công ty đại chúng.

4. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII.
BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

b) Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm phối hợp hoạt động để Ban kiểm soát thực hiện đúng đắn và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty.

c) Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định khác của Công ty.

Điều 35. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu và các quy định khác của Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

a) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người, trong đó có 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

c) Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

h) Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: Sở hữu từ 5% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; sở hữu từ trên 20% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa đủ số ứng viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát: Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

a) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Quy chế này;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

b) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 52 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII.
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Được quy định tại mục 4 Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc:

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc;

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể tự ứng cử hoặc đề cử thành viên Hội đồng quản trị khác bầu chức danh Tổng Giám đốc.

b) Trong trường hợp thuê người khác làm Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị đề cử để Hội đồng quản trị bỏ phiếu theo nguyên tắc đa số.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

b) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc

c) Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Nội dung hợp đồng lao động phải quy định rõ mức thu nhập, nguyên tắc trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

a) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

- Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

- Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

- Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

- Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

- Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;

- Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

- Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành

5. Thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Công ty.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc:

a) Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

c) Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng, kỷ luật và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG IX.
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

a) Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác (Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó giám đốc Chi nhánh, Trưởng các phòng, tổ sản xuất có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

b) Ban kiểm soát có quyền tham gia các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị. Đối với cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị, căn cứ vào nội dung cuộc họp, Chủ

tịch Hội đồng quản trị quyết định việc mời Ban kiểm soát hoặc Trưởng Ban kiểm soát tham dự.

c) Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Trình tự, thủ tục thông báo mời họp, tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

d) Tại cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý, sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, Tổng Giám đốc có trách nhiệm mời Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát tham dự. Ngoài ra, Tổng Giám đốc có thể mời thêm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp này.

e) Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặc chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

f) Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

a) Thư ký Công ty có trách nhiệm đảm bảo thông báo đầy đủ, chính xác các chủ trương, quyết định cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty (không là thành viên Hội đồng quản trị) đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp Công ty sử dụng hệ thống phần mềm lưu trữ văn bản, hồ sơ tài liệu và điều hành quản trị công việc, việc gửi các văn bản trên được thực hiện trên hệ thống phần mềm này thay vì gửi bản cứng (trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty có yêu cầu khác).

3. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát.

b) Các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát cần xin ý kiến Hội đồng quản trị về các nội dung được quy định tại Điều lệ và các Quy chế của Công ty

4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quan trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Chế độ báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao được quy định tại Điều lệ Công ty và các Quy chế của Công ty

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

a) Theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm), Tổng giám đốc phải tổ chức họp Ban điều hành để kiểm điểm đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp có thể có sự tham gia của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

b) Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào các báo cáo của Ban điều hành.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty cho Ban Kiểm soát khi có yêu cầu của Ban Kiểm soát.

b) Tổng giám đốc phải cung cấp bằng văn bản các báo cáo, thông tin sau cho Hội đồng quản trị :

- Vào ngày 5 hàng tháng, Tổng giám đốc gửi báo cáo tóm tắt tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của tháng trước, kế hoạch tháng sau, những khó khăn và thuận lợi trong khi thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh;

- Vào ngày 25 của tháng cuối quý, Tổng giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, thuận lợi của quý trước và kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý sau.

- Trước 15 ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm thực hiện và kế hoạch của năm sau gồm: kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện đầu tư dài hạn, đầu tư thường xuyên, công tác lao động, hoạt động tài chính và thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và gửi Hội đồng quản trị báo cáo kiểm toán trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

- Các báo cáo, thông tin khác được quy định tại Điều lệ và Các Quy chế của Công ty.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành sẽ không can thiệp vào công việc của nhau nếu các công việc đó diễn ra theo đúng quy định của pháp luật Điều lệ và các Quy chế của Công ty đảm bảo uy tín, quyền lợi, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy chế khen thưởng và kỷ luật của Công ty.

CHƯƠNG X.

HIỆU LỰC THI HÀNH

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải bao gồm 10 chương 38 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 6 năm 2021.

Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế nội bộ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế nội bộ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế nội bộ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định sô /QĐ-HĐQT ngày /6/2021 của Hội đồng quản trị)

S.Đ.K.K.D: 0200119411-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 6 năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải ban hành Quy chế hoạt động bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là Quy chế) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Các vấn đề khác có liên quan đến các hoạt động của Hội đồng quản trị không được đề cập trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo Điều lệ Công ty, theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách

nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản tri phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và bảo đảm lợi ích của Công ty.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; thảo luận và biểu quyết các vấn đề mà Chủ tịch Hội đồng quản trị đưa ra, đóng góp ý kiến đối với những vấn đề mà Chủ tịch Hội đồng quản trị hỏi ý kiến, có thể thông qua thư tín, điện thoại, fax; khi không thể tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên có thể ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng quản trị hoặc gửi văn bản góp ý về các vấn đề mà cuộc họp dự kiến thảo luận. Việc ủy quyền phải bằng văn bản, người được ủy quyền được biểu quyết thay người ủy quyền.

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Các thành viên của Hội đồng quản trị được phân công nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm về hiệu quả công việc được giao trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị. Các thành viên có trách nhiệm phối hợp công tác, tích cực cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị để quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty để thực thi các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định Điều lệ Công ty là tối đa 05 người. Cơ cấu của Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Nếu thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung trong nhiệm kỳ thì thời hạn nhiệm kỳ của các thành viên được bầu bổ sung cũng kết thúc cùng nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đó.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật hiện hành..

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị :

- Thông qua hợp đồng tư vấn mà Công ty là đơn vị thực hiện có giá trị hợp đồng lớn hơn 3 tỉ đồng; thông qua hợp đồng Công ty kí kết với các nhà thầu phụ có giá trị lớn hơn 30% giá trị hợp đồng chính hoặc có giá trị trên 1 tỉ đồng;

- Thay mặt Hội đồng quản trị tham gia công tác tiếp thị, thương thảo hợp đồng, tham gia chỉ đạo thực hiện các hợp đồng tư vấn có quy mô lớn, tính chất phức tạp, các hợp đồng tư vấn liên quan đến các Chủ đầu tư lớn, có tính chiến lược, lâu dài đối với hoạt động của Công ty;

- Triệu tập cuộc họp giao ban để Tổng giám đốc, các đơn vị liên quan báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và các vấn đề khác của Công ty;

- Thẩm định, phê duyệt kế hoạch tín dụng sau khi Tổng giám đốc trình phê duyệt.

- Thẩm định, phê duyệt các khoản bảo lãnh của các hợp đồng tư vấn lớn hơn 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng) sau khi Tổng giám đốc trình phê duyệt.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: Sở hữu từ 5% đến 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; sở hữu từ trên 20% đến 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; sở hữu từ trên 30% đến 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; sở hữu từ trên 40% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; sở hữu từ trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa đủ số ứng viên .

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị .

b) Cổ đông có quyền dồn hết quyền biểu quyết của mình cho một ứng viên hoặc phân chia quyền biểu quyết cho một số ứng viên nhưng tổng số quyền biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số quyền biểu quyết được phép của cổ đông đó.

c) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số quyền biểu quyết được bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu riêng các ứng viên có số quyền biểu quyết được bầu ngang nhau để chọn người có số quyền biểu quyết được bầu cao hơn. Trường hợp bầu lại vẫn không lựa chọn được thành viên cuối cùng thì sẽ lựa chọn người nào trong số những người được bầu lại sở hữu và được ủy quyền nhiều cổ phần hơn tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định hướng dẫn về công bố thông tin của Luật Chứng khoán.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, đại diện trực tiếp cho các cổ đông tại Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến việc xác định thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, quyền lợi của Công ty và các cổ đông trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ngoài ra Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Phê duyệt kế hoạch đầu tư chi tiết (nếu cần thiết) trên cơ sở kế hoạch đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư tài sản có giá trị trên 200 triệu đồng và thuộc thẩm quyền của HĐQT để Tổng giám đốc căn cứ thực hiện;

b) Thông qua hợp đồng tư vấn mà Công ty là đơn vị thực hiện có giá trị hợp đồng lớn hơn 3 tỉ đồng; thông qua hợp đồng Công ty kí kết với các nhà thầu phụ có giá trị lớn hơn 30% giá trị hợp đồng chính hoặc có giá trị trên 1 tỉ đồng;

c) Tham gia công tác tiếp thị, thương thảo hợp đồng, tham gia chỉ đạo thực hiện các hợp đồng tư vấn có quy mô lớn, tính chất phức tạp, các hợp đồng tư vấn liên quan đến các Chủ đầu tư lớn, có tính chiến lược, lâu dài đối với hoạt động của Công ty;

d) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch tín dụng sau khi Tổng giám đốc trình phê duyệt.

e) Thẩm định, phê duyệt các khoản bảo lãnh của các hợp đồng tư vấn lớn hơn 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng) sau khi Tổng giám đốc trình phê duyệt.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định

a) Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua quyết định, nghị quyết cho các thành Hội đồng quản trị; và

- Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị ghi trong Thông báo lấy ý kiến;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu;

- Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.

- Nghị quyết, quyết định này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết, quyết định được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 16 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Điều lệ Công ty;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Được quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty. Căn cứ vào mô hình tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban giúp việc mà sẽ căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các phòng, tổ sản xuất, của các cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, Hội đồng quản trị chỉ định giúp việc cho Hội đồng quản trị trong một thời gian nhất định khi cần thiết.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm

đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát;

đ) Các báo cáo khác theo chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tiếp cận và xem xét. Việc công bố các báo cáo này theo quy định về công bố thông tin của Luật Chứng khoán.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban (nếu có) của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban (nếu có) của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải

được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ngoài ra, Tổng giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Được ủy quyền cho các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Chi nhánh thực hiện một số quyền của Tổng giám đốc và Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật,và Hội đồng quản trị về sự ủy quyền đó;

- Quyết định đầu tư trên cơ sở kế hoạch, danh mục đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Trình Hội đồng quản trị phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư tài sản có giá trị trên 200 triệu đồng chưa nằm trong danh mục được Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm cơ sở tổ chức thực hiện;

- Quyết định các hợp đồng tư vấn mà Công ty là đơn vị thực hiện có giá trị không vượt quá 3 tỉ đồng; quyết định các hợp đồng với các nhà thầu phụ có giá trị không vượt quá 30% giá trị hợp đồng chính hoặc có giá trị không vượt quá 1 tỉ đồng;

- Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với các hợp đồng tư vấn có quy mô lớn, tính chất phức tạp, các hợp đồng tư vấn liên quan đến các Chủ đầu tư lớn, có tính chiến lược, lâu dài đối với hoạt động của Công ty;

- Gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị những thông tin, văn bản có liên quan đến trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

- Vào ngày 05 hàng tháng, Tổng Giám đốc gửi báo cáo tóm tắt tình hình sản xuất kinh doanh của tháng trước, kế hoạch tháng sau, những khó khăn và thuận lợi trong khi thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh;

- Vào ngày 25 của tháng cuối quý, Tổng Giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, những khó khăn, thuận lợi của quý trước và kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý sau.

- Trước 15 ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả sản xuất kinh doanh năm thực hiện và kế hoạch của năm sau gồm: kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện đầu tư dài hạn, đầu tư thường xuyên, công tác lao động, hoạt động tài chính và thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và gửi Hội đồng quản trị báo cáo kiểm toán trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Hàng tháng hoặc đột xuất Tổng giám đốc lập kế hoạch gửi tiền có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng (gọi chung là kế hoạch tín dụng) gồm các thông tin: Tên tổ chức tín dụng, giá trị tiền gửi, lãi suất, kì hạn trình Hội đồng quản trị phê duyệt; Kí kết các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn sau khi kế hoạch tín dụng đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Được sử dụng tài sản thuộc sở hữu của Công ty là các hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm có kỳ hạn mở tại các tổ chức tín dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo

lãnh tạm ứng và bảo lãnh dự thầu (gọi chung là bảo lãnh) đối với các khoản bảo lãnh của các hợp đồng tư vấn có giá trị hợp đồng không quá 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng).

- Trình Hội đồng quản trị các khoản bảo lãnh của các hợp đồng tư vấn lớn hơn 3.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ đồng); Thực hiện các thủ tục bảo lanh khi được Hội đồng quản trị phê duyệt.

- Hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty.

4. Hội đồng quản trị đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi có yêu cầu tất cả các bản sao thông tin tài chính, nghị quyết, quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác.

5. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

6. Ban Kiểm soát lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 6 năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định sô /QĐ-BKS ngày /6/2021 của Ban kiểm soát)

S.Đ.K.K.D: 0200119411-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 6 năm 2021.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải ban hành Quy chế hoạt động bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát,mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Các vấn đề khác có liên quan đến các hoạt động của Ban kiểm soát không được đề cập trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo Điều lệ Công ty, theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể và theo đa số. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm

trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty là 03 người, trong đó Trưởng Ban kiểm soát là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Công ty hoặc doanh nghiệp khác. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là 05 năm, có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nếu trong nhiệm kỳ bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát thì nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung đó sẽ kết thúc cùng nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban Kiểm soát không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ và tại công ty .

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát

- Quyền và nghĩa vụ của trưởng ban kiểm soát theo điều 49 của Điều lệ Công ty .

- Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát thường kỳ và các cuộc họp bất thường mà các thành viên ban kiểm soát quan tâm đề xuất.

- Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

- Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ Công ty; Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

- Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;

- Giám sát, chỉ đạo thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;

- Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

- Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị khi cần thiết, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;

- Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;

- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Theo qui định tại điều 47, Điều lệ Công ty, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng thành viên được bầu vào Ban Kiểm soát;

- Cổ đông có quyền dồn hết quyền biểu quyết của mình cho một ứng viên hoặc phân chia quyền biểu quyết cho một số ứng viên nhưng tổng số quyền biểu quyết cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số quyền biểu quyết được phép của cổ đông đó;

- Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số quyền biểu quyết được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số quyền biểu quyết được bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số quyền biểu quyết được bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu riêng các ứng viên có số quyền biểu quyết được bầu ngang nhau để chọn người có số quyền biểu quyết được bầu cao hơn. Trường hợp bầu lại vẫn không lựa chọn được thành viên cuối cùng thì sẽ lựa chọn người nào trong số những người được bầu lại theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Đại hội đồng cổ đông kỳ đó hoặc theo Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác;
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống quản trị, điều hành Công ty, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty nếu thấy cần thiết.

10. Khi cần thiết có thể sử dụng tư vấn độc lập hoặc đề nghị cán bộ quản lý Công ty phối hợp để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều lệ Công ty.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định của Điều lệ Công ty.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định trong Điều lệ Công ty.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp chặt chẽ các hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều

hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất hai (02) lần trong một năm và có các cuộc họp bất thường khi cần thiết, số lượng thành viên Ban Kiểm soát dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát .

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V
BÁO CÁO CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm:

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo thẩm định về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập (nếu cần thiết) với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 18.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 6 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN